

Bình Tân, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (dự toán kinh phí trường mới thành lập) của trường Tiểu học Trần Văn ƠN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN ƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 9063/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về giao chỉ tiêu điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (dự toán kinh phí trường mới thành lập) năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 6361/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (Dự toán kinh phí trường mới thành lập);

Xét đề nghị của bộ phận kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (dự toán kinh phí trường mới thành lập) của trường Tiểu học Trần Văn ƠN

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng, bộ phận kế toán và Công chức viên chức của Trường Tiểu học Trần Văn ƠN chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Kế toán;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hòa

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN ON
Chương: 622

Bình Tân, ngày 08 tháng 10 năm 2024

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo QĐ số 666 /QĐ-THTVO ngày 08/10/2024 của Trường Tiểu Học Trần Văn On)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	(470,806)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (ngân sách)	-
	-Kinh phí chi thường xuyên	
	+Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	(200,658)
	+ Nâng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (1401)	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(470,806)
	+ Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (N12)	
	+ Kinh phí tăng thu nhập NQ số 08/2023/NQ-HĐND (N1402)	(470,806)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
	Dự án A	
	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
	Dự án A	
	Dự án B	

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN ƠN

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN VĂN ƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Về việc công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024
(dự toán kinh phí trường mới thành lập)**

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 30 ngày 08 tháng 10 năm 2024, tại Trường Tiểu học Trần Văn ƠN Bình Tân.

I. Thành phần lập biên bản, gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1. Bà Phạm Thị Hòa | Chức vụ: Trưởng phòng |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hương | Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn |
| 3. Ông Ngô Hoàng Anh | Chức vụ: Ban Thanh tra nhân dân |
| 4. Bà Nguyễn Hoàng Ngọc | Chức vụ: Kế toán |
| 5. Bà Lê Thị Huyền Trân | Chức vụ: Thư ký |

II. Nội dung:

Trường Tiểu học Trần Văn ƠN tiến hành công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (dự toán kinh phí trường mới thành lập) với hình thức sau:

+ Niêm yết tại Bảng thông tin của phòng hội đồng:

- Thực hiện niêm yết công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (dự toán kinh phí trường mới thành lập) gồm Quyết định số 666 /QĐ-THTVO ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trường Tiểu học Trần Văn ƠN (đính kèm Quyết định là Biểu số 02 – Theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính).

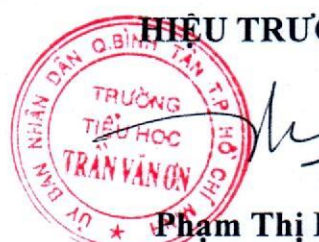
- Thời gian niêm yết: bắt đầu từ ngày 08 tháng 10 năm 2024 kết thúc vào ngày 08 tháng 11 năm 2024 .

+ Trong thời gian niêm yết, cán bộ, công chức có ý kiến phản ánh gửi về ban Thanh tra nhân dân để được xem xét, giải quyết theo quy định.

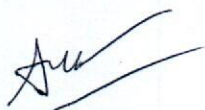
Biên bản lập xong vào lúc 12 giờ 00 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Nguyễn Thị Hương

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hòa

**BAN THANH TRA
NHÂN DÂN**



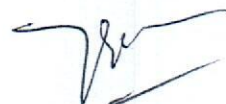
Ngô Hoàng Anh

KẾ TOÁN



Nguyễn Hoàng Ngọc

THƯ KÝ



Lê Thị Huyền Trân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

Số: 6361 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Tân, ngày 27 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024
(Dự toán kinh phí trường mới thành lập)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 9063/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập Trường Mầm non Nguyệt Quế; Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập Trường Tiểu học Đinh Công Tráng; Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập Trường Tiểu học Trần Cao Vân; Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ; Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ; Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập Trường Tiểu học Huỳnh Thúc Kháng; Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Trị Đông B;

Xét Tờ trình số 2026/TTr-TCKH ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch quận về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (Dự toán kinh phí trường mới thành lập);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (tăng/giảm) dự toán chi thường xuyên trong cùng lĩnh vực chi trong phạm vi tổng mức dự toán đã bố trí (Dự toán kinh phí trường mới thành lập), cụ thể:

1. Giảm Dự toán của Phòng Giáo dục và đào tạo quận và các trường học công lập thuộc quận: **27.945.626.697 đồng** (Hai mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi bảy đồng), cụ thể:

- Các trường học công lập thuộc quận: 21.962.454.250 đồng
- Phòng Giáo dục và Đào tạo quận: 5.983.172.447 đồng

2. Tăng Dự toán cho các trường mới thành lập: **27.945.626.697 đồng** (Hai mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi bảy đồng), cụ thể:

- Trường MN Nguyệt Quế: 2.819.747.000 đồng
- Trường TH Huỳnh Thúc Kháng: 3.563.930.000 đồng
- Trường TH Nguyễn Công Trứ: 4.846.599.000 đồng
- Trường TH Trần Cao Vân: 2.378.865.000 đồng
- Trường TH Hoàng Văn Thụ: 6.164.760.697 đồng
- Trường TH Đinh Công Tráng: 3.789.794.000 đồng
- Trường THCS Bình Trị Đông B: 4.381.931.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán thực hiện chế độ công khai theo quy định, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận trong việc đảm bảo thực hiện đúng các chỉ tiêu dự toán được giao theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, Giám đốc Kho bạc nhà nước Bình Tân, Hiệu trưởng các trường học công lập có tên trong Phụ lục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- UBND: CT, PCT;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Nhựt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng																		
STT	Tên đơn vị	Tổng các nội dung tăng	Tổng các nội dung giảm	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi khác
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường MN Nguyệt Quế	2.819.747.000	0	2.819.747.000														
2	Trường TH Huỳnh Thúc Kháng	3.563.930.000	0	3.563.930.000														
3	Trường TH Nguyễn Công Trứ	4.846.599.000	0	4.846.599.000														
4	Trường TH Trần Cao Vân	2.378.865.000	0	2.378.865.000														
5	Trường TH Hoàng Văn Thụ	6.164.760.697	0	6.164.760.697														
6	Trường TH Đình Công Tráng	3.789.794.000	0	3.789.794.000														
7	Trường THCS Bình Trị Đông B	4.381.931.000	0	4.381.931.000														
8	Trường MN Hoa Đào	0	-165.077.000	-165.077.000														
9	Trường MN Trúc Đào	0	-570.574.000	-570.574.000														
10	Trường MN Hoàng Anh	0	-180.806.000	-180.806.000														
11	Trường MN Hoa Hồng	0	-98.141.000	-98.141.000														
12	Trường MN Ánh Mai	0	-223.901.000	-223.901.000														
13	Trường MN Bình Trị Đông	0	-107.726.000	-107.726.000														
14	Trường MN Hoa Phương Vỹ	0	-212.487.000	-212.487.000														
15	Trường MN Mai Vàng	0	-280.755.000	-280.755.000														
16	Trường MN 20/10	0	-195.340.000	-195.340.000														
17	Trường MN Cát Đằng	0	-326.649.000	-326.649.000														
18	Trường TH Tân Tạo A	0	-160.168.000	-160.168.000														
19	Trường TH An Lạc 1	0	-2.056.688.000	-2.056.688.000														
20	Trường TH An Lạc 2	0	-996.646.000	-996.646.000														
21	Trường TH Bình Thuận	0	-185.348.000	-185.348.000														
22	Trường TH Lê Trọng Tấn	0	-1.721.002.000	-1.721.002.000														
23	Trường TH Bình Trị Đông	0	-405.333.000	-405.333.000														
24	Trường TH Bình Trị Đông A	0	-1.216.406.000	-1.216.406.000														
25	Trường TH Bình Trị 1	0	-362.132.000	-362.132.000														
26	Trường TH Bình Hưng Hòa 1	0	-4.749.086.250	-4.749.086.250														
27	Trường TH Bình Hưng Hòa	0	-524.382.000	-524.382.000														
28	Trường TH Lê Công Phép	0	-165.931.000	-165.931.000														
29	Trường TH Bình Tân	0	-381.035.000	-381.035.000														
30	Trường TH Kim Đồng	0	-230.577.000	-230.577.000														

STT	Tên đơn vị	Tổng các nội dung tăng	Tổng các nội dung giảm	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi khác
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
31	Trường TH Phù Đồng	0	-395.410.000	-395.410.000														
32	Trường TH Ngô Quyền	0	-358.736.000	-358.736.000														
33	Trường TH Trần Văn Ôn	0	-671.464.000	-671.464.000														
34	Trường TH Lê Quý Đôn	0	-361.093.000	-361.093.000														
35	Trường TH Lạc Hồng	0	-1.121.359.000	-1.121.359.000														
36	Trường THCS Bình Hưng Hòa	0	-396.616.000	-396.616.000														
37	Trường THCS Bình Trị Đông	0	-605.243.000	-605.243.000														
38	Trường THCS Bình Trị Đông A	0	-464.574.000	-464.574.000														
39	Trường THCS Bình Tân	0	-269.719.000	-269.719.000														
40	Trường THCS An Lạc	0	-442.355.000	-442.355.000														
41	Trường THCS Lý Thường Kiệt	0	-104.182.000	-104.182.000														
42	Trường THCS Trần Quốc Toàn	0	-685.430.000	-685.430.000														
43	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	0	-104.182.000	-104.182.000														
44	Trường THCS Nguyễn Trãi	0	-324.996.000	-324.996.000														
45	Trường THCS Lạc Long Quân	0	-140.905.000	-140.905.000														
46	Phòng Giáo dục và đào tạo quận	0	-5.983.172.447	-5.983.172.447														
	Tổng cộng	27.945.626.697	-27.945.626.697	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN